

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CHUNG ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CỦA SẢN PHẨM VAY TIÊU DÙNG TRỰC TUYẾN TẠI NGÂN HÀNG CATHAY UNITED BANK - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(“ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CHUNG”)

(Có hiệu lực từ ngày 01/03/2024)

Trân trọng cảm ơn Quý khách đã lựa chọn sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến được cung cấp bởi Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều Khoản, Điều Kiện Chung này cần phải được đọc kỹ vì tài liệu này có chứa các thỏa thuận ràng buộc về mặt pháp lý giữa CUB và Quý khách. Các yêu cầu của Quý khách trên Ứng dụng Ngân Hàng về việc, bao gồm nhưng không giới hạn (i) đăng ký thông tin để được CUB xem xét và/hoặc phê duyệt Hạn Mức Tín Dụng; (ii) gửi yêu cầu giải ngân số tiền cho vay theo Hạn Mức Tín Dụng để được CUB xem xét và/hoặc cấp Khoản Vay; và (iii) đăng ký, sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử trên Ứng dụng Ngân Hàng, sẽ được điều chỉnh và giải thích bởi Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, cùng với Bộ Hợp Đồng (như được định nghĩa dưới đây).

Bằng cách chọn nút **“Tôi đồng ý với ĐKĐKGD Chung, TB Xử lý DLCN và ĐKĐKDV NH Điện tử”** hoặc nội dung viết tắt khác tương đương, Quý khách được coi là **xác nhận Quý khách đã được CUB cung cấp đầy đủ** các “Điều Khoản, Điều Kiện Chung” này, “Điều Kiện Sử Dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử Trên Ứng Dụng Ngân Hàng áp dụng cho Khách Hàng Cá Nhân của Sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến tại Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh”, và “Thông Báo Về Việc Thu Thập, Xử Lý Và Sử Dụng Dữ Liệu Cá Nhân/ Thông Tin Của Người Tiêu Dùng áp dụng cho Khách Hàng Cá Nhân của Sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến tại Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh” của CUB, và **Quý khách cũng được coi là đã đọc, đã hiểu, đồng ý và chịu sự ràng buộc đầy đủ về mặt pháp lý bởi các văn bản này.**

Tùy thuộc vào sự chấp thuận của Ngân Hàng về Hạn Mức Tín Dụng được cấp cho Quý khách, Điều Khoản, Điều Kiện Chung này sẽ tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng và (các) Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần (bao gồm các sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản đó, nếu có) được ký điện tử giữa Quý khách và Ngân Hàng tại từng thời điểm.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trừ khi được định nghĩa khác đi dưới đây, các từ ngữ và thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Điều Khoản, Điều Kiện Chung này có ý nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng (như được định nghĩa dưới đây) và Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần (như được định nghĩa dưới đây).

Trong Điều Khoản, Điều Kiện Chung này:

1. **“CUB”** hay **“Ngân Hàng”** là Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
2. **“Quý khách”** hoặc **“Bên Vay”** là khách hàng cá nhân có quốc tịch Việt Nam, có nhu cầu được cấp Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc được cấp (các) Khoản Vay bởi Ngân Hàng thông qua Ứng dụng Ngân Hàng để thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng hoặc sinh hoạt của Bên Vay và/hoặc của gia đình của Bên Vay theo quy định pháp luật và/hoặc chính sách của CUB tại từng thời điểm.
3. **“Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến”** là sản phẩm cho vay không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay của Ngân Hàng đối với khách hàng cá nhân, (i) được dùng cho mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, cụ thể là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của Bên Vay và/hoặc của gia đình của Bên Vay, (ii) được xác lập bởi Ngân Hàng và Bên Vay qua phương thức điện tử được phép theo quy định pháp luật; và (iii) có phương thức giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán của Bên Vay.
4. **“Hạn Mức Tín Dụng”** nghĩa là hạn mức tín dụng như được quy định tại Mục II.1 của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này.
5. **“Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng”** là hợp đồng về việc cấp Hạn Mức Tín Dụng, được xác lập giữa Bên Vay và Ngân Hàng thông qua Ứng dụng Ngân Hàng, bao gồm tất cả các phụ lục, bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng (nếu có) tại từng thời điểm.
6. **“Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần”** là thỏa thuận được xác lập giữa Ngân Hàng và Bên Vay thông qua Ứng dụng Ngân Hàng đối với mỗi lần Bên Vay đề nghị giải ngân một Khoản Vay theo Hạn Mức Tín Dụng được cấp và Ngân Hàng đồng ý với đề nghị đó (như được quy định tại Mục II.3 của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này), bao gồm tất cả các phụ lục, bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của thỏa thuận này (nếu có) tại từng thời điểm. Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần sẽ quy định nội dung chi tiết của mỗi Khoản Vay, bao gồm nhưng không giới hạn số tiền vay, thời hạn vay, ngày giải ngân, lãi

suất cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, v.v.

7. “**Bộ Hợp Đồng**” có nghĩa là toàn bộ các tài liệu bao gồm Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần, “Điều Khoản, Điều Kiện Chung” này, “Điều Kiện Sử Dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử Trên Ứng Dụng Ngân Hàng áp dụng cho Khách Hàng Cá Nhân của Sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến tại Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh” và “Thông Báo Về Việc Thu Thập, Xử Lý Và Sử Dụng Dữ Liệu Cá Nhân/ Thông Tin Của Người Tiêu Dùng áp dụng cho Khách Hàng Cá Nhân của Sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến tại Ngân Hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh”, bao gồm tất cả các bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của các tài liệu đó cùng các văn bản, thông báo và thư xác nhận (nếu có) liên quan đến việc giao kết, duy trì, sử dụng và/hoặc chấm dứt Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc (các) Khoản Vay giữa Ngân Hàng và Bên Vay, tất cả có hiệu lực pháp lý ràng buộc với Bên Vay.

Trong trường hợp không có sự thống nhất giữa các tài liệu, thứ tự ưu tiên để áp dụng giảm dần là: (i) (các) Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần, (ii) Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng, (iii) Điều Khoản, Điều Kiện Chung, (iv) các tài liệu khác liên quan đến Hạn Mức Tín Dụng và (các) Khoản Vay. Tuy nhiên, Ngân Hàng có thể áp dụng một thứ tự khác nếu văn bản được lựa chọn ưu tiên áp dụng là phù hợp hơn so với quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng.

8. “**Khoản Vay**” nghĩa là một khoản Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến từng lần (i) do Ngân Hàng cấp cho Bên Vay để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi; và (ii) được giải ngân theo từng đề nghị giải ngân cụ thể của Bên Vay để sử dụng Hạn Mức Tín Dụng được cấp. Chi tiết của mỗi Khoản Vay được quy định và thỏa thuận tại Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần tương ứng.
9. “**Khoản Trả Góp Hàng Tháng**” nghĩa là (các) khoản thanh toán của Bên Vay cho Ngân Hàng theo quy định tại Mục IV của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này và được thỏa thuận cụ thể tại từng Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần của Khoản Vay tương ứng.
10. “**Ứng dụng Ngân Hàng**” đề cập đến một ứng dụng di động (mobile) do Ngân Hàng cung cấp cho phép khách hàng cá nhân đăng ký tài khoản, thực hiện các giao dịch, quy trình, thủ tục liên quan đến Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến từ xa thông qua một thiết bị di động.
11. “**Xác thực sinh trắc học**” là một tính năng của Ứng dụng Ngân Hàng sử dụng thông tin xác thực sinh trắc học của Bên Vay để xác minh danh tính của Bên Vay khi Bên Vay (i) đăng ký thông tin cấp Hạn Mức Tín Dụng trên Ứng dụng Ngân Hàng; và/hoặc (ii) đăng nhập vào Ứng dụng Ngân Hàng; và/hoặc (iii) xác nhận giao dịch giải ngân; và/hoặc (iv) thực hiện các thao tác và giao dịch khác được phép sử dụng Xác thực sinh trắc học trên Ứng dụng Ngân Hàng tại từng thời điểm.
12. “**Mã PIN**” là Mã Số Nhận Dạng Cá Nhân được sử dụng để xác minh danh tính khi xác nhận giải ngân, và/hoặc xác nhận thực hiện các giao dịch khác trên Ứng dụng Ngân Hàng.
13. “**OTP**” (One Time Password): là một mã thực một lần, một loại mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần được cung cấp bởi Ngân Hàng và/hoặc Đối Tác của Ngân Hàng được cấp phép theo quy định của pháp luật cho Bên Vay để (i) xác nhận thông tin cá nhân; và/hoặc (ii) đồng ý đăng ký Hạn Mức Tín Dụng; và/hoặc (iii) ký kết Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng, Hợp Đồng Vay Từng Lần với Ngân Hàng bằng phương thức điện tử; và/hoặc (iv) sử dụng như một yếu tố thứ hai để xác thực người dùng truy cập Ứng dụng Ngân Hàng hoặc thực hiện giao dịch trên Ứng dụng Ngân Hàng.
Trong trường hợp sử dụng OTP như hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của Bên Vay đối với giao dịch tương ứng, việc Bên Vay nhập thành công mã OTP khi được hỏi có đồng ý giao kết Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng, và/hoặc (các) Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần trên Ứng dụng Ngân Hàng sẽ được xem như Bên Vay đã tự nguyện chấp nhận giao kết đối với các hợp đồng tương ứng, cũng như đã chấp nhận đăng ký và/hoặc giải ngân (các) Khoản Vay theo đó.
14. “**Ngày Làm Việc**”: nghĩa là một ngày (không phải là Thứ Bảy hoặc Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ) mà vào ngày đó Ngân Hàng mở cửa giao dịch bình thường tại Việt Nam và thời gian của một ngày là thời gian theo giờ Việt Nam trừ khi được quy định khác;
15. “**CIC**”: nghĩa là Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam là đơn vị thuộc NHNN (sẽ được định nghĩa như dưới đây) và làm đầu mối cho NHNN để tiến hành hoạt động thông tin tín dụng theo quy định pháp luật hiện hành;
16. “**PCB**”: nghĩa là Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam, một doanh nghiệp được NHNN cấp phép hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296 cấp lần đầu ngày 27/11/2007, mà CUB đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia);
17. “**PDPD**” nghĩa là Nghị Định Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân số 13/2023/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 17/4/2023 (mà có thể được hướng dẫn thêm, sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế tại từng thời điểm) và bất kỳ các quy định nào có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân do cơ quan có thẩm quyền ban hành tại từng thời điểm;
18. “**NHNN**” nghĩa là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
19. “**Website Của Ngân Hàng**” nghĩa là website chính thức của Ngân Hàng tại <https://www.cathaybk.com.tw/vn/hcmc/> hoặc <https://www.vn.cathaybk.com/>

20. “**Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB**” nghĩa là các kênh tiếp nhận thông tin chính thức của CUB, do CUB trực tiếp quản lý và điều hành, bao gồm (i) địa chỉ liên hệ và nhận thư tại Tầng 19, Tòa nhà Lim Tower 3, số 29A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; (ii) số điện thoại đường dây nóng [028.3622.6836]; (iii) email: contact.CUB@vn.cathaybk.com; (iv) tin nhắn trên Facebook tại Cathay United Bank, (v) Ứng dụng Ngân Hàng, (vi) [Website Của Ngân Hàng](#), và (vii) các phương thức liên lạc khác theo toàn quyền quyết định của Ngân Hàng tại từng thời điểm, mà qua đó Bên Vay và CUB liên hệ, trao đổi thông tin, gửi và nhận các thông báo liên quan đến Bộ Hợp Đồng một cách chính thức. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB (ví dụ: thay đổi địa chỉ email, số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ trang thông tin điện tử), CUB sẽ thông báo trước cho Bên Vay về sự thay đổi này.

II. HẠN MỨC TÍN DỤNG:

1. Hạn Mức Tín Dụng:

- Hạn Mức Tín Dụng là hạn mức cho vay tối đa đối với sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trục Tuyến do Ngân Hàng phê duyệt và cấp cho Bên Vay và được nêu tại Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng, tùy thuộc vào khả năng trả nợ của Bên Vay và được đánh giá dựa trên các tiêu chí được Ngân Hàng xây dựng tại từng thời điểm. Ngân Hàng có toàn quyền điều chỉnh Hạn Mức Tín Dụng theo quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng. Trong mọi trường hợp, Hạn Mức Tín Dụng mà Ngân Hàng cấp cho Bên Vay **không vượt quá một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam**.
- CUB sẽ cấp Hạn Mức Tín Dụng theo những thông tin mà Bên Vay đăng ký (bao gồm thông tin định danh bằng phương tiện điện tử, điền đầy đủ thông tin, thực hiện các bước xác minh theo hướng dẫn/ yêu cầu của Ngân Hàng) trên Ứng dụng Ngân Hàng hoặc bất kỳ nền tảng điện tử khác do CUB ấn định trong tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin được cung cấp được xem xét như là một trong các tài liệu của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của Bên Vay theo quy định.
- Hạn Mức Tín Dụng bắt đầu có hiệu lực ngay sau khi Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng được xem là đã được ký kết giữa CUB và Bên Vay. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì mà Bên Vay không ký kết Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng trong thời gian được CUB thông báo qua các phương thức liên lạc được quy định tại Mục XV của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, Hạn Mức Tín Dụng được CUB cấp sẽ tự động hết hiệu lực. Trong trường hợp này, nếu Bên Vay mong muốn được cấp lại Hạn Mức Tín Dụng, Bên Vay phải thực hiện lại các bước đăng ký Hạn Mức Tín Dụng trên Ứng dụng Ngân Hàng hoặc bất kỳ nền tảng điện tử khác do CUB ấn định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ gốc của tất cả các Khoản Vay đã được giải ngân (và chưa thanh toán) theo Hạn Mức Tín Dụng trong mọi trường hợp không được vượt quá Hạn Mức Tín Dụng đã cấp và/hoặc điều chỉnh bởi Ngân Hàng tại từng thời điểm.

2. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng:

- Hạn Mức Tín Dụng được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định (“**Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng**”) được quy định trong Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng. CUB có quyền điều chỉnh Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng theo quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng trên cơ sở tuân thủ với các quy định pháp luật liên quan tại từng thời điểm.
- Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng là khoảng thời gian được xác định từ ngày có hiệu lực của Hạn Mức Tín Dụng đến ngày hết hiệu lực của Hạn Mức Tín Dụng đó. Trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng, CUB thực hiện cho vay từng lần và Bên Vay được phép (tùy theo sự chấp thuận của CUB) sử dụng Hạn Mức Tín Dụng để nhận/ rút tiền vay phục vụ nhu cầu đời sống phù hợp với mục đích mà Bên Vay đã kê khai và xác nhận với Ngân Hàng tại Bộ Hợp Đồng và quy định pháp luật có liên quan.

3. Sử dụng Hạn Mức Tín Dụng - Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần:

- Tùy thuộc vào toàn quyền quyết định và chấp thuận của CUB tại từng thời điểm, trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng, Bên Vay có thể chỉ được phép yêu cầu giải ngân một Khoản Vay duy nhất hoặc nhiều Khoản Vay khác nhau. Thời hạn của mỗi Khoản Vay không được vượt quá Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng.
- Mỗi Khoản Vay là một khoản vay cá nhân tuân theo quy định của NHNN đối với sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống và được xác nhận bởi Bên Vay thông qua việc ký Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần bằng phương thức điện tử.
- Bên Vay yêu cầu giải ngân từng lần bằng cách gửi yêu cầu vay cho CUB và CUB có toàn quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu vay đó tùy theo chính sách cho vay và quản lý rủi ro của CUB tại từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật liên quan. Trong trường hợp CUB đồng ý cho vay, CUB và Bên Vay sẽ đồng thuận ký kết Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần tương ứng bằng phương thức điện tử. Trong trường hợp Bên Vay không yêu cầu giải ngân hoặc Khoản Vay không được giải ngân thành công, CUB sẽ không tính lãi đối với Hạn Mức Tín Dụng chưa được sử dụng đó.

4. Bên Vay đồng ý sử dụng OTP hay bất kỳ mã bí mật nào phù hợp với Luật Giao Dịch Điện Tử và các quy định pháp luật liên quan, nhằm mục đích xác nhận Khoản Vay với CUB và ký Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc (các) Hợp Đồng

Cho Vay Từng Lần bằng phương thức điện tử, đồng ý rằng xác nhận này là tự nguyện theo thỏa thuận của hai Bên và sẽ có hiệu lực mà không cần phải có bất kỳ hình thức chứng thực/xác nhận nào khác, trừ trường hợp pháp luật về giao dịch điện tử và/hoặc các quy định có liên quan khác có quy định khác.

Bên Vay theo đây công nhận vô điều kiện và không hủy ngang các giao dịch trên Ứng dụng Ngân Hàng như nêu trên có sử dụng OTP hay bất kỳ mã bí mật nào phù hợp với Luật Giao Dịch Điện Tử và các quy định pháp luật liên quan, trừ trường hợp có chứng cứ rõ ràng và hợp lý về lỗi kỹ thuật phát sinh từ Ứng dụng Ngân Hàng.

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI

1. Thời hạn tính lãi của Khoản Vay được xác định từ và bao gồm cả ngày Ngân Hàng giải ngân Khoản Vay cho đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán toàn bộ số dư nợ thực tế của Khoản Vay đó theo Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần, và thời điểm xác định dư nợ gốc để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
2. Kỳ tính lãi: là khoảng thời gian trong thời hạn tính lãi và được chia thành nhiều kỳ tính lãi tương ứng với kỳ hạn trả nợ. Mỗi kỳ tính lãi là tròn một (01) tháng, ngoại trừ kỳ tính lãi đầu tiên có thể khác.
3. Công thức tính lãi: Số tiền lãi của từng kỳ tính lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \Sigma (\text{Dư nợ thực tế} * \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} * \text{Lãi suất tính lãi}) / 365$$

Trong đó,

- Dư nợ thực tế: Số nợ gốc trong hạn tại kỳ tính lãi;
- Số ngày duy trì dư nợ thực tế: là tổng số ngày của kỳ tính lãi thực tế mà số dư nợ thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi;
- Lãi suất tính lãi: Là lãi suất vay được tính theo tỷ lệ %/năm trên cơ sở một năm có 365 ngày. Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần hoặc được điều chỉnh theo thỏa thuận về nguyên tắc và yếu tố xác định điều chỉnh lãi suất.

Về Lãi Suất Quá Hạn, Bên Vay có thể tham chiếu Điều 3.9 trong Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng.

4. Để làm rõ, các Bên hiểu rằng công thức tính lãi nêu trên phù hợp và tương đương với phương pháp tính lãi theo quy định pháp luật (nếu có).

IV. THANH TOÁN

Khi được Ngân Hàng chấp thuận Hạn Mức Tín Dụng và Bên Vay đồng ý sử dụng Khoản Vay cho đúng mục đích quy định tại Bộ Hợp Đồng, Bên Vay đồng ý, cam kết và đảm bảo sẽ hoàn trả cho Ngân Hàng “**Số Tiền Cần Thanh Toán**” (bao gồm Tổng Khoản Thanh Toán Đến Hạn cùng với lãi phát sinh và các khoản phí khác, nếu có, được áp dụng cho các Khoản Vay) vào Ngày Đến Hạn Thanh Toán Hàng Tháng.

“**Tổng Khoản Thanh Toán Đến Hạn**” sẽ được tính như sau:

1. Tổng Khoản Thanh Toán Đến Hạn bao gồm nhưng không giới hạn Khoản Trả Góp Hàng Tháng của từng Khoản Vay, các khoản nợ quá hạn (nếu có), các khoản phí, lệ phí và các khoản phải trả khác (nếu có) liên quan đến việc giải ngân dựa trên Hạn Mức Tín Dụng.
2. Khoản Trả Góp Hàng Tháng của từng Khoản Vay là cố định, bao gồm một phần nợ gốc của Khoản Vay và/hoặc khoản tiền lãi phải thanh toán hàng tháng phát sinh trong Kỳ Hạn Trả Nợ. Trừ Khoản Trả Góp Hàng Tháng của một hoặc một số Kỳ Hạn Trả Nợ của Khoản Vay có thể khác, phụ thuộc vào Ngày Giải Ngân và/hoặc các quy định chi tiết tại Lịch Trả Nợ (đã được định nghĩa tại Điều 4.1 trong Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng), về cơ bản, Khoản Trả Góp Hàng Tháng là cố định.
3. Ngân Hàng có quyền ngừng cho vay, chấm dứt (các) Khoản Vay, và/hoặc thu hồi nợ trước hạn, và yêu cầu Bên Vay hoàn trả toàn bộ các Khoản Thanh Toán Hàng Tháng còn lại chưa trả, Lãi Chậm Trả, chi phí, phí và tất cả các khoản khác đến hạn và phải trả theo Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng và Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần theo toàn quyền quyết định của Ngân Hàng khi xảy ra và/hoặc tiếp diễn một Sự Kiện Vi Phạm (dẫn chiếu theo Mục V dưới đây) và/hoặc theo quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng.
4. Khi bất kỳ khoản thanh toán nào của Bên Vay đến hạn vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, ngày đến hạn sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo.

V. SỰ KIỆN VI PHẠM

Việc xảy ra bất kỳ một trong các sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**” tùy theo tính chất hành vi và theo đánh giá và quyết định của Ngân Hàng theo quy định pháp luật có liên quan cũng như các quy định có liên quan tương ứng của Bộ Hợp Đồng, và một Sự Kiện Vi Phạm sẽ coi là “đang tiếp diễn” nếu nó chưa được Bên Vay khắc phục hoặc được Ngân Hàng miễn trừ một cách rõ ràng minh thị:

1. Bên Vay không trả hay chậm trả nợ khi đến hạn bất kỳ nợ gốc hoặc lãi hoặc phí nào hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác (nếu có) theo Bộ Hợp Đồng hoặc khi được yêu cầu trong trường hợp khoản tiền đó phải được thanh toán khi có yêu cầu; hoặc phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào khác tại CUB hoặc tại bên thứ ba;
2. Bất kỳ việc không thực hiện hoặc vi phạm nào của Bên Vay đối với bất kỳ cam kết nào, cam đoan nào hoặc bất kỳ nghĩa vụ hoặc quy định nào theo Bộ Hợp Đồng hoặc bất kỳ văn bản, tài liệu nào khác liên quan, mà đang tiếp diễn và không được khắc phục trong vòng mười (10) ngày sau khi Ngân Hàng có thông báo (bằng các phương thức liên lạc tại Mục XV) yêu cầu Bên Vay khắc phục vi phạm đó;
3. Bên Vay không thể thực hiện hay duy trì bất kỳ Điều Kiện Vay Vốn (như được nêu tại Mục VI.8) trong suốt Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng;
4. Bên Vay không sử dụng Khoản Vay đúng mục đích được quy định trong Bộ Hợp Đồng và pháp luật áp dụng;
5. Ngân Hàng, trong phạm vi pháp luật yêu cầu và cho phép, cũng như trong khả năng đánh giá của mình, sẽ xác định khả năng tài chính để trả các khoản nợ phát sinh từ Bộ Hợp Đồng của Bên Vay có bị mất, hoặc không được duy trì, mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đến khả năng thanh toán của Bên Vay đó đối với Ngân Hàng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (i) (Vi phạm chéo) Bất kỳ sự kiện nào sau đây xảy ra đối với Bên Vay: (a) Bên Vay không thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ đến hạn theo bất kỳ thỏa thuận nào khác với các bên khác hoặc bất kỳ khoản nợ bằng tiền nào của Bên Vay bị thu nợ trước hạn hoặc có nguy cơ bị thu nợ trước hạn; (b) bất kỳ cam kết nào đối với khoản nợ tài chính của Bên Vay bị hủy bỏ hoặc tạm ngừng do một sự kiện vi phạm hoặc bất kỳ quy định nào có hiệu lực tương tự (dù được mô tả dưới bất kỳ hình thức nào);
 - (ii) Bên Vay bị mất khả năng thanh toán hoặc không thể thanh toán các khoản nợ của Bên Vay hoặc thừa nhận tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ của Bên Vay khi các khoản nợ đó đến hạn, bắt đầu thương lượng với một hoặc nhiều bên cho vay nhằm giảm, gia hạn nợ hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ dưới bất kỳ hình thức nào khác đối với bất kỳ khoản nợ nào của Bên Vay;
 - (iii) Tài sản của Bên Vay bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án, tịch thu, tạm giữ hoặc các biện pháp khác;
 - (iv) Bên Vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt giữ, xét xử, chấp hành hình phạt tù); Bên Vay có liên quan đến một tranh chấp, khiếu nại hoặc khiếu kiện.
6. Bên Vay có hành vi không trung thực hoặc thiếu thiện chí, hoặc không hợp tác với Ngân Hàng kể từ thời điểm Bên Vay đồng ý bằng phương thức chọn nút “Tôi đồng ý với “ĐKĐKGD Chung”, “ĐKĐKDV NH Điện tử”, “TB Xử lý DLCN”.” hoặc nội dung viết tắt khác tương đương;
7. Bất kỳ tuyên bố, khẳng định hoặc bảo đảm nào của Bên Vay là không chính xác hoặc gây hiểu nhầm đáng kể vào ngày đưa ra tuyên bố, khẳng định hoặc bảo đảm đó;
8. Trong trường Bên Vay là khủng bố hoặc một nhóm khủng bố theo lệnh trừng phạt kinh tế hoặc bị xác định/ điều tra bởi chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế;
9. Bên Vay bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc khó khăn trong việc nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định của pháp luật liên quan.
10. Ngân Hàng xác định rằng việc duy trì bất kỳ Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc Khoản Vay nào là vi phạm hoặc sẽ vi phạm (i) bất kỳ văn bản pháp luật nào hoặc (ii) bất kỳ văn bản hành chính áp dụng đối với Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc Khoản Vay nào, Ngân Hàng hoặc Bên Vay hoặc (iii) bất kỳ hướng dẫn nào của NHNN.

VI. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM CỦA BÊN VAY

Bên Vay cam kết và bảo đảm với Ngân Hàng rằng:

1. Bên Vay cam kết và tự đảm bảo việc sử dụng Khoản Vay đúng với (các) mục đích được quy định trong Bộ Hợp Đồng, và không sử dụng Khoản Vay cho bất kỳ mục đích nào ngoài các mục đích được đề cập tại Bộ Hợp Đồng, hoặc cho các mục đích bất hợp pháp, hoặc bị cấm theo quy định của pháp luật. Nếu vi phạm, Bên Vay phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và Ngân Hàng có thể thực hiện bất kỳ hành động nào theo quy định tại Bộ Hợp Đồng trong phạm vi được pháp luật cho phép, bao gồm cả việc thu hồi nợ trước hạn;
2. Bên Vay không bị bắt cứ ai khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc không là bị đơn trong vụ án kinh tế, dân sự, hành chính hoặc hình sự, và không có nghĩa vụ phải thi hành các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào, hoặc không bị hạn chế theo bất cứ thỏa thuận nào giữa Bên Vay với bên thứ ba khác có khả năng làm ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện nghĩa vụ của Bên Vay theo Bộ Hợp Đồng;
3. Việc Bên Vay chấp nhận và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Vay theo Bộ Hợp Đồng và Điều Khoản, Điều Kiện này sẽ không trái với bất kỳ luật, quy định, lệnh, quy tắc, nghị định, hoặc bất kỳ văn bản pháp lý nào của bất kỳ cơ quan chính phủ, cơ quan và tòa án nào mà Bên Vay phải tuân theo;

4. Thông tin mà Bên Vay cung cấp cho Ngân Hàng liên quan đến Điều Khoản, Điều Kiện này, Hạn Mức Tín Dụng và Khoản Vay là chính xác, đúng sự thật và đầy đủ và không có sự thiếu sót nào dẫn đến thông tin đã nêu là không chính xác, không đúng, có lỗi, sai, không đúng sự thật, không đầy đủ hoặc gây hiểu lầm trong bất kỳ khía cạnh nào. Bên Vay phải thông báo ngay cho Ngân Hàng bằng văn bản nếu thông tin nói trên không còn chính xác, đúng sự thật hoặc đầy đủ nữa và/hoặc có bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin đó;
5. Bên Vay cam đoan và chấp nhận rằng mọi thông tin liên quan đến địa chỉ cư trú, địa chỉ làm việc, số điện thoại, địa chỉ email và các thông tin khác mà Bên Vay đã đăng ký trên Ứng dụng Ngân Hàng để nhận toàn bộ các thông tin từ Ngân Hàng bao gồm nhưng không giới hạn thông báo nhắc nợ, thông báo lãi suất, tiền phạt, bồi thường, v.v... Các thông báo của Ngân Hàng gửi cho Bên Vay thông qua mọi hình thức công bố thông tin bao gồm công bố trên Website Của Ngân Hàng như được nêu tại Mục I.20, hoặc thông tin điện tử như tin nhắn (sms), hoặc thư điện tử (email), hoặc bất kỳ phương thức nào thông qua Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB như được nêu tại Mục I.20 trên, có giá trị ràng buộc với Bên Vay và là một bộ phận không tách rời và có giá trị như một tài liệu sửa đổi, bổ sung của Bộ Hợp Đồng. Bên Vay chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì việc tiếp nhận các thông báo của Ngân Hàng theo Điều Khoản, Điều Kiện Chung này và các tài liệu khác của Bộ Hợp Đồng và thông báo ngay cho Ngân Hàng biết khi thay đổi bất kỳ nội dung thông tin nào của Bên Vay theo quy định tại Điều Khoản, Điều Kiện Chung này và các tài liệu khác của Bộ Hợp Đồng;
6. Bên Vay cam kết hợp tác với Ngân Hàng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Bộ Hợp Đồng và cung cấp tất cả các tài liệu liên quan và cần thiết theo yêu cầu của Ngân Hàng tại từng thời điểm nhằm mục đích thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các Khoản Vay và trả nợ của Bên Vay;
7. Bên Vay không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ các quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Bộ Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn các Điều Khoản, Điều Kiện Chung này) cho bất kỳ bên nào khác;
8. Bên Vay hiểu rằng, cơ sở cho việc Ngân Hàng xem xét và quyết định cho Bên Vay vay (các) Khoản Vay theo các quy định tại Bộ Hợp Đồng là vì Ngân Hàng xét thấy, tại thời điểm Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng được ký kết, Bên Vay đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định nội bộ của Ngân Hàng và của pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện sau ("**Điều Kiện Vay Vốn**"):
 - (i) Bên Vay có đầy đủ năng lực hành vi dân sự ký kết và thực hiện Bộ Hợp Đồng; hiểu rằng Bộ Hợp Đồng tạo thành các nghĩa vụ pháp lý, hợp lệ và ràng buộc có hiệu lực đối với Bên Vay;
 - (ii) Mục đích của Bên Vay khi vay (các) Khoản Vay là để phục vụ nhu cầu đời sống của Bên Vay, và các nhu cầu này hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - (iii) Bên Vay có phương án sử dụng (các) Khoản Vay khả thi và có khả năng tài chính để trả các khoản nợ phát sinh từ Bộ Hợp Đồng;
 - (iv) Các điều kiện khác như được quy định tại Bộ Hợp Đồng (nếu có), các quy định nội bộ của Ngân Hàng và pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.

Do vậy, Bên Vay cam kết sẽ duy trì các Điều Kiện Vay Vốn trong suốt Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng.

9. Tại bất kỳ thời điểm nào, Ngân Hàng có quyền và nghĩa vụ kiểm tra và yêu cầu Bên Vay xuất trình các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng (các) Khoản Vay. Việc Bên Vay không xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh việc sử dụng (các) Khoản Vay đúng mục đích là cơ sở để Ngân Hàng quyết định ngừng cho vay, chấm dứt (các) Khoản Vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn. Bên Vay có trách nhiệm trong việc phối hợp với Ngân Hàng và cung cấp các tài liệu liên quan đến (các) Khoản Vay để Ngân Hàng thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng (các) Khoản Vay và trả nợ của Bên Vay.

VII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CUB:

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác đã được quy định cụ thể tại Bộ Hợp Đồng và Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, CUB còn có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Cho vay và giải ngân (các) Khoản Vay cho Bên Vay theo Bộ Hợp Đồng khi Bên Vay đáp ứng đầy đủ các Điều Kiện Vay Vốn của CUB quy định tại Bộ Hợp Đồng và Điều Khoản, Điều Kiện Chung này;
2. Từ chối, tạm dừng giải ngân (các) Khoản Vay nếu Bên Vay không đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Bộ Hợp Đồng;

3. Kiểm tra, theo dõi, giám sát mục đích sử dụng (các) Khoản Vay của Bên Vay; nếu pháp luật có yêu cầu và/hoặc CUB thấy cần thiết; Trong quá trình CUB thực hiện kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn vay của Bên Vay, nếu Bên Vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm bất kỳ nội dung nào liên quan đến Bộ Hợp Đồng hoặc vi phạm pháp luật có liên quan, CUB có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) tiến hành chấm dứt cho vay theo Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần, thu hồi nợ trước hạn, hoặc tạm ngưng cung cấp Hạn Mức Tín Dụng cho Bên Vay, ngưng hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp nào nhằm kiểm soát rủi ro cho Bên Vay phù hợp với quy định pháp luật liên quan và chính sách quản lý rủi ro của CUB tại từng thời điểm;
4. Chuyển giao quyền đòi nợ của Ngân Hàng (bán nợ) và các quyền khác phát sinh từ Bộ Hợp Đồng phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của NHNN cho các đơn vị có đầy đủ chức năng thực hiện việc mua bán nợ theo quy định pháp luật liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác ("**Bên Mua Nợ**"); CUB có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay và các bên liên quan những nội dung của việc bán nợ chậm nhất năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày Ngân Hàng và Bên Mua Nợ ký kết hợp đồng mua, bán nợ hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ. Trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc theo thỏa thuận giữa Ngân Hàng và Bên Vay hoặc trong trường hợp cần thiết, Ngân Hàng sẽ thông báo bằng văn bản về việc bán nợ cho Bên Vay trước khi ký kết hợp đồng mua, bán nợ;
5. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của Bên Vay trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc được Bên Vay chấp thuận hoặc pháp luật có quy định khác;
6. Ngân Hàng có quyền theo dõi và ghi lại cho các mục đích riêng của mình, bất kỳ (các) cuộc gọi nào được thực hiện với Bên Vay và Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay ngay trong cuộc gọi. Bên Vay đồng ý rằng Ngân Hàng có quyền sử dụng các bản thu âm và bản ghi đó làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp nào;
7. Không thực hiện các quyền:
 - (a) Việc Ngân Hàng trì hoãn hoặc không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp xử lý nào theo Bộ Hợp Đồng sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp xử lý nào đã nêu, và sẽ không được hiểu như là sự từ bỏ đối với quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khác phục đó;
 - (b) Việc thực hiện một lần/ một phần của bất kỳ quyền/ biện pháp xử lý nào sẽ không ngăn cản việc thực hiện lần khác hoặc phần khác của quyền/biện pháp xử lý đó hoặc việc thực hiện bất kỳ quyền hoặc biện pháp xử lý nào khác. Các quyền và biện pháp xử lý được quy định trong Bộ Hợp Đồng là cộng dồn và không loại trừ bất kỳ quyền hoặc biện pháp xử lý nào được pháp luật quy định.

VIII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác đã được quy định cụ thể tại Bộ Hợp Đồng và Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, Bên Vay còn có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được Ngân Hàng cho vay (các) Khoản Vay, giải ngân tiền vay, được đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Bộ Hợp Đồng và các quy định, chính sách của Ngân Hàng tại từng thời điểm;
2. Được quyền trả nợ/thanh toán (các) Khoản Vay trước hạn nếu Bên Vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chính sách trả nợ trước hạn của Ngân Hàng tại từng thời điểm và thanh toán đầy đủ phí trả nợ trước hạn được quy định tại Bộ Hợp Đồng;
3. Cung cấp cho Ngân Hàng các chứng từ và/hoặc thông tin liên quan khi Ngân Hàng có yêu cầu nhằm mục đích thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát mục đích, quá trình sử dụng (các) Khoản Vay;
4. Chấp thuận việc Ngân Hàng chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ ba (gọi tắt là "**Bên Nhận Chuyển Nhượng**") thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân Hàng theo quy định trong Điều Khoản, Điều Kiện Chung này và các tài liệu khác của Bộ Hợp Đồng, bao gồm quyền đòi nợ của Ngân Hàng như được quy định tại Mục VII.4 của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này. Đồng thời Bên Vay cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Điều Khoản, Điều Kiện Chung này và các tài liệu khác của Bộ Hợp Đồng đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng;
5. Chấp nhận rằng các thông báo lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí... đã được Các Bên thỏa thuận tại Bộ Hợp Đồng và thể hiện trên Ứng dụng Ngân Hàng là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên Vay đối với CUB, trừ trường hợp có sự sai sót rõ ràng trong tính toán số học hoặc không phù hợp với quy định pháp luật hoặc pháp luật có quy định khác;
6. Thực hiện đúng các cam kết, bảo đảm và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Bộ Hợp Đồng và quy định pháp luật áp dụng tại từng thời điểm;
7. Bên cạnh và không ảnh hưởng đến bất kỳ biện pháp xử lý nào khác mà Ngân Hàng có thể áp dụng đối với Bên Vay theo Bộ Hợp Đồng và theo pháp luật và quy định áp dụng, khi có yêu cầu, Bên Vay phải bồi thường đầy đủ cho Ngân Hàng đối với tất cả các hành động, khiếu nại, yêu cầu, trách nhiệm, chi phí, tổn thất, thiệt hại và phí tổn phát sinh, phải chịu hoặc phải gánh chịu hoặc bất kỳ khoản phạt nào hoặc bất kỳ chi phí nào khác có thể phát sinh hoặc Ngân Hàng có thể phải chi trả, chịu hoặc gánh chịu do việc xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào, hoặc Bên Vay vi phạm nghĩa vụ nào theo Bộ Hợp Đồng, hoặc liên quan đến (các) Khoản Vay theo cách khác;

8. Phạt vi phạm: Trừ vi phạm do chậm trả lãi, chậm trả gốc, Bên Vay phải chịu phạt vi phạm bằng tám phần trăm (08%) giá trị nghĩa vụ bị vi phạm đối với bất kỳ vi phạm nào của Bên Vay được quy định tại Bộ Hợp Đồng, tùy thuộc vào toàn quyền quyết định của Ngân Hàng. Để rõ ràng, Ngân Hàng có quyền áp dụng đồng thời cả biện pháp phạt vi phạm, yêu cầu bồi thường thiệt hại và các chế tài khác đối với cùng một hành vi vi phạm của Bên Vay theo Bộ Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

IX. SỰ MINH BẠCH

1. Bên Vay được sử dụng (các) Khoản Vay tại CUB luôn được CUB đảm bảo sự minh bạch trong thông tin, chính sách và biểu phí áp dụng đối với Bên Vay;
2. Mọi chính sách về lãi suất, phí, chi phí, phạt Bên Vay phải thanh toán khi sử dụng sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến tại CUB đều được CUB đảm bảo nhất quán, thống nhất theo tiêu chí chung của CUB trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm;
3. Ngoài các mức phí đã quy định tại Bộ Hợp Đồng và/hoặc biểu phí của CUB, hoặc các chi phí, phạt theo thỏa thuận chính thức bằng văn bản giữa CUB và Bên Vay, CUB không cho phép cán bộ CUB yêu cầu hoặc đòi hỏi Bên Vay thanh toán thêm bất kỳ chi phí nào;
4. CUB luôn tuân thủ và đề cao quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi hành vi nhận hối lộ, yêu sách của cán bộ CUB đối với Bên Vay đều bị nghiêm cấm tại CUB. CUB kiên quyết xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm này;
5. Bên Vay cam kết trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ tại CUB sẽ không đưa tiền, quà cáp, biếu xén, các lợi ích khác hay thực hiện bất kỳ hành động nào kể cả với mục đích cảm ơn hay vì bất kỳ động cơ nào khác nhằm tạo điều kiện cho cán bộ CUB vi phạm đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của CUB. Đồng thời Bên Vay sẽ thông báo kịp thời cho CUB qua các Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB nếu phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm nào của cán bộ CUB. CUB sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp Bên Vay vi phạm cam kết này.

X. TIẾT LỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

1. Bên Vay đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng Ngân Hàng, các cán bộ và nhân viên của Ngân Hàng có quyền tiết lộ và cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến (các) Khoản Vay, Bộ Hợp Đồng và Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, các kê khai thông tin hiện tại và tương lai của Bên Vay (bao gồm nhưng không giới hạn, thông tin liên quan đến giao dịch, tình hình tài chính, quan hệ pháp luật có tham gia, các thông tin từ bản án, quyết định của tòa án, các thông tin từ bất kỳ nguồn nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc đã được công khai theo quy định pháp luật liên quan, các tài khoản và dịch vụ), dữ liệu thống kê và bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến Bên Vay hoặc hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Bên Vay cho:

- 1.1. Tập Đoàn Ngân Hàng: bao gồm các công ty có mối quan hệ với nhau và với CUB thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác theo định nghĩa của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia nơi ngân hàng mẹ của CUB có trụ sở chính, tại từng thời điểm (*bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ thành viên hoặc công ty con nào của Cathay Financial Holdings; hội sở chính của Ngân Hàng (bao gồm các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty liên kết, v.v. của hội sở chính)*);

- 1.2. Các tổ chức tài chính khác cấp hoặc có ý định cấp bất kỳ khoản tín dụng nào cho Bên Vay, CIC, PCB hoặc bất kỳ tổ chức thông tin tín dụng tư nhân nào (trong đó Ngân Hàng là tổ chức tham gia hoặc dự kiến là tổ chức tham gia), bất kỳ cơ quan có liên quan nào khác có thể được pháp luật cho phép để lấy thông tin đó hoặc các tổ chức được thành lập theo pháp luật;

Ngoài ra, việc cung cấp thông tin tín dụng đối với Bên Vay sẽ được thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành và theo Nghị định 58/2021/NĐ-CP cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm (nếu có);

Bên Vay đồng ý cho CUB cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại CUB cho PCB mà CUB đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia) và CUB được nhận lại thông tin từ PCB. CUB có trách nhiệm thông báo với Bên Vay thông tin về PCB (bằng phương thức do CUB xem xét phù hợp):

- Tại thời điểm Bên Vay ký bằng phương thức điện tử Bộ Hợp Đồng, PCB là: Công Ty Cổ Phần Thông Tin Tín Dụng Việt Nam; Giấy CNĐKDN số 0102547296 cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007.
- Trong thời hạn tối đa mười (10) Ngày Làm Việc, kể từ ngày CUB cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng mới không phải là PCB.

Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp ("**Thông Tin Tín Dụng**"): tất cả các thông tin tín dụng của Bên Vay tại CUB và cụ thể theo thỏa thuận của CUB và PCB ("**Thỏa Thuận PCB**"). Việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của CUB cho PCB: PCB chỉ được sử dụng Thông Tin Tín Dụng theo Thỏa Thuận PCB, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Khi PCB bị thu hồi Giấy chứng nhận hoạt động, CUB sẽ ngừng cung cấp Thông Tin Tín Dụng của Bên Vay cho PCB và Bên Vay đồng ý Thông Tin Tín Dụng của Bên Vay tại PCB được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động

cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. CUB có trách nhiệm thông báo với Bên Vay về việc xử lý Thông Tin Tín Dụng của Bên Vay trong thời hạn tối đa mười (10) Ngày Làm Việc, kể từ ngày CUB nhận được thông báo của PCB về phương án xử lý Thông Tin Tín Dụng.

Bên Vay khẳng định rằng mình hiểu và biết rõ rằng: (i) Thông Tin Tín Dụng được cung cấp bao gồm Dữ Liệu Cá Nhân Nhạy Cảm theo quy định của PDPD; (ii) Thông Tin Tín Dụng gồm Dữ Liệu Cá Nhân Nhạy Cảm đó được thu thập, xử lý, và lưu trữ trong thời gian tối thiểu năm (05) năm nhằm mục đích tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng bởi các phần mềm chuyên dụng của PCB hoặc tổ chức thông tin tín dụng; và (iii) mọi sự đồng ý của Bên Vay tại điều này là dựa trên cơ sở tự nguyện và hiểu biết rõ ràng về các quyền của Bên Vay theo các quy định pháp luật có liên quan.

- 1.3. Bất kỳ công ty hiện tại hoặc tương lai nào có thể được liên kết hoặc liên quan đến Ngân Hàng theo pháp luật các tổ chức tín dụng, bao gồm văn phòng đại diện và chi nhánh và các đại diện tương ứng của họ cũng như các công ty con của công ty mẹ của Ngân Hàng;
 - 1.4. Các kiểm toán viên, luật sư và / hoặc các đại lý khác của Ngân Hàng liên quan đến việc thu hồi các khoản tiền đến hạn và phải trả theo Bộ Hợp Đồng; và
 - 1.5. Các cố vấn chuyên môn, nhà cung cấp dịch vụ, người được đề cử, đại lý, nhà thầu hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ của Ngân Hàng có liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho hoặc bởi Ngân Hàng và các công ty liên quan hoặc liên kết của Ngân Hàng;
 - 1.6. Bất kỳ người nào (bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ cơ quan kiểm soát, cơ quan thi hành pháp luật, cơ quan lập pháp, tòa án hoặc cơ quan xét xử nào) mà thông tin cần phải được tiết lộ theo (i) yêu cầu của pháp luật hoặc quy định áp dụng, hoặc (ii) bất kỳ chỉ thị, yêu cầu hoặc đề nghị (cho dù có thẩm quyền thi hành luật hay không) của bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào hoặc bất kỳ cơ quan Nhà nước nào khác tại bất kỳ quốc gia nào.
2. Bên Vay theo đây đồng ý không hủy ngang với việc tiết lộ đó và xác nhận rằng Ngân Hàng, các cán bộ và nhân viên của Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin đó hoặc về hậu quả của bất kỳ hành động nào dựa vào thông tin được cung cấp theo các Điều Khoản, Điều Kiện Chung này. Bên Vay đồng ý thêm rằng đối với bất kỳ Dữ Liệu Cá Nhân nào mà Bên Vay cung cấp cho Ngân Hàng, Ngân Hàng được phép thu thập, xử lý, sử dụng và chuyển giao Dữ Liệu Cá Nhân đó ra quốc tế và theo quy định tại Bộ Hợp Đồng. Nếu thông tin liên quan do Bên Vay cung cấp cho Ngân Hàng bị đánh cắp, rò rỉ, giả mạo hoặc bị xâm phạm bởi tổ chức hoặc cá nhân không phải là Ngân Hàng, Bên Vay sẽ được thông báo theo cách thích hợp càng sớm càng tốt và Ngân Hàng sẽ giải thích về nơi thông tin được chuyển đến theo yêu cầu của Bên Vay.

XI. CÁC LOẠI DỮ LIỆU CÁ NHÂN ĐƯỢC THU THẬP VÀ XỬ LÝ :

1. Các loại Dữ Liệu Cá Nhân được thu thập và xử lý bởi Ngân Hàng theo các Điều Khoản, Điều Kiện Chung này có thể khác nhau tùy theo thẩm quyền và luật hiện hành. Các danh mục liệt kê dưới đây bao gồm nhưng không giới hạn và có thể thay đổi tùy thuộc vào sản phẩm hoặc dịch vụ, tương tác của Bên Vay với Ngân Hàng:

Trong phạm vi áp dụng, cho mục đích của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, “Dữ Liệu Cá Nhân” có nghĩa là dữ liệu, thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử, dù đúng hay không, gắn liền với Bên Vay, từ đó có thể xác định được Bên Vay, hoặc từ dữ liệu đó và thông tin khác mà Ngân Hàng truy cập hoặc có khả năng truy cập, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (a) tên, số căn cước công dân/chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, tình trạng cư trú thuế, quốc gia/khu vực cư trú, mã số thuế, giới tính, ngày sinh, thông tin thư tín, hình ảnh cá nhân; thông tin có được từ các hệ thống an ninh (kể cả bản ghi lại hình ảnh của Bên Vay trên truyền hình mạch kín (máy quay giám sát – CCTV) và các dữ liệu cá nhân cơ bản như được định nghĩa và quy định tại PDPD;
- (b) Dữ Liệu Cá Nhân Nhạy Cảm, bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu sinh trắc học (bao gồm nhưng không giới hạn đặc điểm khuôn mặt, dấu vân tay, tĩnh mạch số, v.v.), thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, và các dữ liệu cá nhân nhạy cảm như được định nghĩa và quy định tại PDPD;
- (c) các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính (chẳng hạn như khối lượng, địa điểm và mặt hàng tiêu dùng, doanh thu, thu nhập, tài sản và đầu tư, nợ và chi phí, xếp hạng tín dụng, chi tiết bảo hiểm, các giao dịch tài chính, v.v.), thông tin phương tiện di động và trực tuyến (chẳng hạn như mã định danh thiết bị di động, vị trí thiết bị di động, thông tin mạng xã hội, địa chỉ IP, lịch sử duyệt web, Cookie, v.v.) và các chi tiết khác như các ứng dụng hoặc các hợp đồng dịch vụ có liên quan, liên quan đến giao dịch kinh doanh, các tài khoản hoặc các dịch vụ giữa Ngân Hàng và Bên Vay và được cung cấp bởi hoặc thực tế được thu thập từ Bên Vay hoặc bên thứ ba (chẳng hạn như CIC), các tổ chức mà Ngân Hàng hợp tác/ có quan hệ đối tác, các tổ chức khác mà Ngân Hàng có quan hệ kinh doanh, v.v.).

Ngân Hàng có thể thu thập, xử lý Dữ Liệu Cá Nhân của Bên Vay dựa trên nhu cầu của các hoạt động kinh doanh, tài khoản hoặc dịch vụ khác nhau. Do tính chất đặc biệt của Dữ Liệu Cá Nhân Nhạy Cảm, Ngân Hàng sẽ hạn chế việc sử dụng Dữ Liệu Cá Nhân Nhạy Cảm chỉ khi liên quan trực tiếp đến các mục đích được liệt kê trong các Điều Khoản, Điều Kiện Chung này. Bên

Vay cũng đồng ý và ủy quyền cho Ngân Hàng được thay mặt Bên Vay thực hiện các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu bên kiểm soát và bên xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện việc xử lý Dữ Liệu Cá Nhân của Bên Vay và nhận kết quả xử lý dữ liệu đó, bao gồm nhưng không giới hạn việc thu thập, sử dụng và chia sẻ cho bên thứ ba các thông tin liên quan đến Bên Vay và/hoặc thông tin liên quan đến (các) Khoản Vay của Bên Vay tại Ngân Hàng hoặc các tổ chức khác.

2. Bất kể việc Bên Vay đồng ý với Mục XI này, Mục X nêu trên, và Mục XII bên dưới (hay rút lại sự đồng ý sau đó), Ngân Hàng, và các bên liên quan sẽ luôn được phép xử lý thông tin của Bên Vay trong trường hợp theo yêu cầu của pháp luật hoặc nhằm thực hiện nghĩa vụ theo Bộ Hợp Đồng của Bên Vay đối với Ngân Hàng và các bên liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu sau theo quy định của pháp luật và/ hoặc các nghĩa vụ sau của Bên Vay:
 - (i) đáp ứng các điều kiện được vay vốn theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân Hàng;
 - (ii) cung cấp tài liệu chứng minh khả năng đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật, và các tài liệu khác do Ngân Hàng hướng dẫn;
 - (iii) cung cấp thông tin về phương thức nhận giải ngân, phối hợp với Ngân Hàng để thực hiện hoạt động giải ngân, đối soát khoản giải ngân với bên cung cấp dịch vụ;
 - (iv) ký kết, thực hiện Bộ Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn việc tiến hành thẩm định tín dụng, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho việc cấp và quản lý (các) Khoản Vay);
 - (v) nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ gốc, và/hoặc tiền lãi vay, phí liên quan đến hoạt động cho vay (nếu có) theo thỏa thuận; phối hợp với các hoạt động hỗ trợ Bên Vay thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay, thu hồi nợ;
 - (vi) sử dụng vốn vay đúng mục đích; cung cấp, cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình sử dụng vốn vay, và khả năng trả nợ của Bên vay khi có yêu cầu của Ngân Hàng cho các mục đích bao gồm nhưng không giới hạn việc giám sát sử dụng vốn vay; đánh giá khả năng thanh toán của Bên Vay; phân loại nợ;
 - (vii) theo dõi, đánh giá và kiểm soát rủi ro; chấm dứt cho vay; xử lý nợ; thực hiện yêu cầu hợp pháp của Bên Vay (cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trả nợ trước hạn);
 - (viii) nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi Bên Vay vi phạm nghĩa vụ theo Bộ Hợp Đồng; chăm sóc khách hàng, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của Bên Vay;
 - (ix) thể chấp hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng theo quy định tại Bộ Hợp Đồng;
 - (x) cung cấp, tra cứu và sử dụng các thông tin từ CIC và các công ty thông tin tín dụng khác;
 - (xi) thực hiện các nghĩa vụ của Bên Vay về lưu trữ, báo cáo theo quy định của pháp luật;
 - (xii) thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên Vay, hoặc để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân Hàng theo quy định tại Bộ Hợp Đồng và pháp luật liên quan.
3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Mục XI này sẽ không bị vô hiệu một phần, vô hiệu toàn bộ ngay cả khi (i) Bộ Hợp Đồng bị hủy bỏ/ chấm dứt/ chấm dứt trước hạn; hoặc (ii) Bên Vay đưa ra các yêu cầu về việc rút lại sự đồng ý, xóa, hạn chế, phản đối việc xử lý thông tin, dữ liệu của Bên Vay.

XII. THUÊ BÊN THỨ BA

Bên Vay đồng ý rằng Ngân Hàng có thể, trong phạm vi pháp luật cho phép, thuê các bên thứ ba (bao gồm bên thứ ba trong nước hoặc nước ngoài (bao gồm cả nhà cung cấp dịch vụ dữ liệu đám mây)) để xử lý một phần hoặc tất cả các giao dịch giữa Bên Vay và Ngân Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tiếp thị, các vấn đề hành chính, viễn thông, xử lý máy tính, đăng nhập dữ liệu (bao gồm cả thông tin của Bên Vay), xử lý, đầu ra, bảo mật, phát triển, giám sát và bảo trì hệ thống thông tin, đánh giá, phân loại, dàn xếp hoặc mua bán nợ, quét (scan) tài liệu, nhập liệu, in ấn, đóng gói, gửi thư, chuyển tiền, thanh toán, trao đổi, điều tra tín dụng, và các vấn đề khác liên quan đến các giao dịch đó).

Bên Vay đồng ý thêm rằng Ngân Hàng có thể cung cấp thông tin giao dịch của Bên Vay bao gồm thông tin và bất kỳ Dữ Liệu Cá Nhân nào của Bên Vay, cho các bên thứ ba mà Ngân Hàng thuê trong phạm vi cần thiết để xử lý. Bên Vay đồng ý rằng điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực đầy đủ trong trường hợp mối quan hệ hợp tác, tên hoặc tổ chức của Ngân Hàng hoặc bên thứ ba bị thay đổi.

XIII. ĐIỀU KHOẢN VỀ PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN VÀ CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ

Khi thực hiện các biện pháp liên quan cho mục đích kiểm soát rủi ro, cũng như khi phối hợp và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ về phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt trên phạm vi quốc tế (bao gồm nhưng không giới hạn xem xét, kiểm tra và báo cáo trên cơ sở định kỳ và/hoặc bất thường) như được cho phép bởi các quy định về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố (“AML/CFT”) áp dụng đối với Bên Vay và các bên liên quan của Bên Vay (ví dụ, đại lý, đại diện, và người được ủy quyền) và các đối tác của họ (gọi chung là “**Các Bên Liên Quan Của Bên Vay**”), Ngân Hàng sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào xảy ra cho Bên Vay và/hoặc Các Bên Liên Quan Của Bên Vay, trong các trường hợp sau đây:

1. Nếu Bên Vay hoặc bất kỳ bên nào trong Các Bên Liên Quan Của Bên Vay là cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức bị bất kỳ chính phủ, tổ chức quốc tế nào đưa vào danh sách hạn chế/cấm thương mại hoặc thuộc thành phần khủng bố hoặc tổ chức khủng bố bởi bất kỳ chính phủ trong và ngoài nước nào hoặc bất kỳ tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế nào, Ngân Hàng có thể xem xét ngừng các quan hệ kinh doanh, ngừng tất cả các giao dịch với Bên Vay, hạn chế giải ngân đối với Hạn Mức Tín Dụng, giảm hạn mức của Hạn Mức Tín Dụng, rút ngắn thời hạn cho vay, rút ngắn Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Tín Dụng, tuyên bố toàn bộ hoặc một phần các Khoản Vay là đến hạn và phải trả, thực hiện điều khoản thu hồi nợ trước hạn, hạn chế Bên Vay mở tài khoản mới, sử dụng sản phẩm mới hoặc sử dụng dịch vụ/kinh doanh mới hoặc đóng tài khoản và chấm dứt quan hệ kinh doanh và giao dịch với Bên Vay.
2. Trong quá trình thiết lập quan hệ kinh doanh với Bên Vay, khi thực hiện kiểm tra định kỳ và/hoặc bất thường sau khi thiết lập quan hệ kinh doanh, khi tiến hành tất cả các loại giao dịch với Bên Vay, hoặc khi Ngân Hàng xét thấy cần thiết (bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ nghi ngờ nào về việc Bên Vay liên quan đến các giao dịch bất thường, các hoạt động bất hợp pháp, nghi ngờ rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài khoản có liên quan đến các trường hợp đặc biệt liên quan đến sự bất hợp pháp do phương tiện truyền thông báo chí công bố), Ngân Hàng có thể yêu cầu Bên Vay cung cấp thông tin của Bên Vay và Các Bên Liên Quan Của Bên Vay (bao gồm cả Dữ Liệu Cá Nhân cần thiết cho việc kiểm tra đó) và yêu cầu giải thích (mà không cần phải lý giải hoặc cung cấp cho Bên Vay về lý do yêu cầu giải thích) về bản chất và mục đích giao dịch hay nguồn tiền trong khoảng thời gian mà Ngân Hàng chỉ định. Nếu Bên Vay từ chối cung cấp hoặc chậm trễ trong việc cung cấp các thông tin nói trên, hoặc khi Ngân Hàng cho là cần thiết (ví dụ, để phục vụ cho việc quản trị rủi ro hoặc nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về việc Bên Vay liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp, nghi ngờ rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt, hoặc tài khoản có liên quan đến các trường hợp đặc biệt liên quan đến hoạt động bất hợp pháp do phương tiện truyền thông báo chí công bố), Ngân Hàng có thể tạm ngừng các quan hệ kinh doanh và các giao dịch với Bên Vay, hạn chế Bên Vay giải ngân bất kỳ Khoản Vay nào trong Hạn Mức Tín Dụng, rút ngắn thời gian cho vay, rút ngắn thời gian duy trì Hạn Mức Tín Dụng, tuyên bố toàn bộ hoặc một phần (các) Khoản Vay đến hạn và phải trả, thực hiện điều khoản thu hồi nợ trước hạn, hạn chế Bên Vay mở tài khoản mới, sử dụng sản phẩm mới hoặc sử dụng dịch vụ/kinh doanh mới, hoặc đóng tài khoản và chấm dứt các hoạt động kinh doanh và giao dịch với Bên Vay.
3. Ngân Hàng có quyền chuyên thông tin liên quan đến Bên Vay và Các Bên Liên Quan Của Bên Vay và thông tin về các giao dịch do Ngân Hàng thực hiện với Bên Vay mà bị nghi ngờ là tiến hành hoạt động rửa tiền, bị áp dụng các hạn chế/lệnh cấm về kinh tế hoặc thương mại bởi bất kỳ chính phủ hoặc tổ chức quốc tế nào mà không cần phải thông báo hoặc xin phép Bên Vay, có chứa đựng thông tin nhận dạng cụ thể do Ngân Hàng kiểm soát và thông tin liên quan đến Bên Vay và Các Bên Liên Quan Của Bên Vay, trong nội bộ Ngân Hàng, các chi nhánh, các công ty liên kết của Ngân Hàng và những chủ thể khác được cho phép theo quy định hoặc bởi các cơ quan có thẩm quyền (“Người Nhận”) để sử dụng một cách bảo mật (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào liên quan và phục vụ xử lý số liệu, thống kê hay phân tích rủi ro). Mỗi Người Nhận đều có thể xử lý, chuyên hay tiết lộ những thông tin trên theo yêu cầu của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục pháp lý.

XIV. KIỂM SOÁT BẢO MẬT:

1. Các dịch vụ do CUB cung cấp cho Bên Vay trên Ứng dụng Ngân Hàng được kiểm soát và bảo đảm bởi gồm nhiều biện pháp kiểm soát bảo mật. Các kiểm soát này bao gồm:
 - Định danh/Xác thực người dùng duy nhất (mã định danh người dùng);
 - Kiểm soát độ dài mật khẩu;
 - Yêu cầu về độ phức tạp của mật khẩu để truy cập ứng dụng di động của CUB chẳng hạn như: Mật khẩu không được trùng với các thông tin cá nhân của Bên Vay như số điện thoại, địa chỉ email, và mật khẩu mới không được trùng với mật khẩu đã được cài đặt trước đây;
 - Sử dụng mật khẩu một lần (OTP), với thiết kế bảo mật để tạo mật khẩu động (Key Token) hoặc các phương thức khác dựa trên nguyên tắc OTP, để tạo mật khẩu chỉ dùng được một lần;
 - Áp dụng cơ chế “Xác thực hai lớp”.

2. Trước khi Bộ Hợp Đồng được giao kết thông qua các phương tiện điện tử theo quy định pháp luật, tùy thuộc vào chính sách của CUB tại từng thời điểm, CUB thực hiện định danh Bên Vay và yêu cầu Bên Vay xác nhận đồng ý vay vốn theo Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần thông qua tất cả các phương thức sau:
 - Tên Đăng Nhập và Mật Khẩu duy nhất mà Bên Vay đã khởi tạo thành công để truy cập vào Ứng dụng Ngân Hàng/hệ thống;
 - Bên Vay nhập OTP được gửi duy nhất đến số điện thoại Bên Vay đăng ký với CUB. Bên Vay lưu ý rằng, mã OTP này sẽ nằm trong tin nhắn được gửi từ đầu số “9115” hoặc một đầu số khác tùy theo sự quyết định của nhà mạng quản lý thuê bao di động; và
 - Bên Vay nhập Mã PIN hoặc sử dụng Xác thực sinh trắc học hoặc các phương thức khác cho phép CUB nhận dạng và định danh Bên Vay (nếu có).
3. Khi Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần được ký điện tử bởi Bên Vay và Ngân Hàng, CUB sẽ thực hiện các thủ tục cho vay và/hoặc giải ngân cho Bên Vay theo quy định pháp luật và chính sách của Ngân Hàng.
4. Bên Vay có trách nhiệm bảo mật các yếu tố cá nhân như mật khẩu, mã PIN, OTP và các yếu tố xác thực khác đồng thời phải thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc sử dụng trái phép các yếu tố này. Bên Vay phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại xảy ra do các yếu tố này của Bên Vay để bị lộ, bị đánh cắp, bị lợi dụng vì bất kỳ lý do gì.
5. Khi phát hiện các yếu tố cá nhân trên và/hoặc thiết bị điện tử (là điện thoại, máy tính và các thiết bị điện tử khác) có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình, Bên Vay phải kịp thời sử dụng các biện pháp thích hợp để thông báo ngay lập tức cho CUB. Cho đến khi CUB xác nhận đã nhận được thông báo nói trên, Bên Vay vẫn phải chịu trách nhiệm các giao dịch do người không được phép thực hiện trừ trường hợp xác định được rõ ràng minh thị là do lỗi của CUB.

XV. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Bên Vay và Ngân Hàng đồng ý rằng tất cả mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa hai Bên liên quan đến thực hiện Bộ Hợp Đồng được coi là hợp lệ và được thực hiện qua bất cứ Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB như được nêu tại Mục I.20 nêu trên;

Bên Vay có trách nhiệm phối hợp với Ngân Hàng cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến (các) Khoản Vay; thông báo và đăng ký thay đổi thông tin (nếu có) qua bất kỳ Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB. Mọi thông báo thay đổi của Bên Vay chỉ có giá trị hiệu lực khi Ngân Hàng tiếp nhận và có thể xác minh được được thông tin liên quan theo chính sách của Ngân Hàng, và Bên Vay đáp ứng các điều kiện của Ngân Hàng về cập nhật, thay đổi thông tin tại từng thời điểm khi cung cấp thông qua một trong các Kênh Tiếp Nhận Thông Tin Chính Thức Của CUB;

Bên Vay xác nhận và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc cung cấp chính xác, đầy đủ, trung thực cho Ngân Hàng các thông tin, tài liệu liên quan đến (các) Khoản Vay; việc Bên Vay chậm trễ hoặc không thực hiện việc thông báo thay đổi thông tin theo quy định tại Điều Khoản, Điều Khoản Chung này sẽ tạo thành vi phạm nghĩa vụ của Bên Vay về việc cung cấp thông tin, và đây sẽ là cơ sở để Ngân Hàng quyết định ngừng cho vay, chấm dứt cho vay đối với (các) Khoản Vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn.

XVI. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng và/hoặc Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần được giao kết giữa CUB và Bên Vay, cùng với Điều Khoản, Điều Khoản Chung và các văn bản khác như được quy định tại Mục I.7 tại đây, tạo thành một thể thống nhất, trọn vẹn, thể hiện sự thỏa thuận của các Bên về Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến.
2. Bằng việc đã đọc, hiểu và đồng ý ký vào Điều Khoản Điều Khoản Chung này, Bên Vay đồng ý và xác nhận rằng trước khi xác lập Điều Khoản, Điều Khoản Chung này:
 - (a) Bên Vay đã được CUB cung cấp cơ bản các thông tin liên quan đến sản phẩm Vay Tiêu Dùng Trực Tuyến do CUB cung cấp liên quan đến Khoản Vay;
 - (b) Bên Vay đã biết và đã được CUB cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho Bên Vay.
3. Trong trường hợp một điều khoản nào đó của Điều Khoản, Điều Khoản Chung này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc do thay đổi pháp luật thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. Đối với những vấn đề phát sinh mà Bộ Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn Điều Khoản, Điều Khoản Chung này) không quy định thì sẽ áp dụng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam để giải quyết.
4. Mỗi văn bản trong Bộ Hợp Đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày văn bản đó được ký kết hợp lệ bởi Bên Vay và CUB, và sẽ bị chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng tại văn bản đó.
5. Các quy định tại “Mục VI. Cam kết và bảo đảm của Bên Vay”, “Mục IX. Sự minh bạch”, “Mục X. Tiết lộ thông tin và bảo mật”, “Mục XI. Các loại dữ liệu cá nhân được thu thập và xử lý”, “Mục XII. Thuê bên thứ ba”, “Mục XIII. Điều khoản về phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố”, “Mục XIV. Kiểm soát bảo mật”, “Mục XV. Trao đổi thông tin”, sẽ

tiếp tục duy trì hiệu lực sau khi bất kỳ văn bản nào trong Bộ Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực trong bất cứ hoàn cảnh nào.

6. Các Bên cam kết thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận tại Điều Khoản, Điều Kiện Chung này. Trường hợp quyền, nghĩa vụ của các Bên bị cản trở và/hoặc không thực hiện được, mọi tranh chấp của hai Bên sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết duy nhất và có giá trị bắt buộc với các Bên. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí, các chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, trừ trường hợp Tòa án có thẩm quyền có quyết định khác.
7. Bên Vay xác nhận và chấp thuận rằng CUB có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều Khoản, Điều Kiện Chung này trong thời hạn của (các) Khoản Vay mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, và Bên Vay cam kết chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong trường hợp Bên Vay không đồng ý với bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Điều Khoản, Điều Kiện Chung này, Bên Vay được quyền yêu cầu Ngân Hàng chấm dứt (các) Khoản Vay trước hạn, tùy thuộc vào việc Bên Vay hoàn thành các nghĩa vụ và đáp ứng các quy định có liên quan theo Bộ Hợp Đồng.
8. Điều Khoản, Điều Kiện Chung này được lập bằng tiếng Việt. Để tránh hiểu nhầm, bất cứ bản dịch nào của văn bản này (nếu có) và của các văn bản khác trong Bộ Hợp Đồng (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo và không có giá trị pháp lý.